

Soạn bài: Chương trình địa phương (phần tiếng Việt)

Soạn bài: Chương trình địa phương (phần tiếng Việt)

Câu 1: Từ ngữ toàn dân – từ ngữ địa phương:

- 1: cha – bố, cha, ba
- 2: Mẹ - mẹ, má
- 3: ông nội – ông nội
- 4: Bà nội – bà nội
- 5: ông ngoại – ông ngoại, ông vãi
- 6: Bà ngoại – bà ngoại, bà vãi
- 7: bác (anh trai cha): bác trai
- 8: bác (vợ anh trai của cha): bác gái
- 9: Chú (em trai của cha): chú
10. Thím (vợ của chú): thím
11. bác (chị gái của cha): bác
12. bác (chồng chị gái của cha): bác
13. cô (em gái của cha): cô
14. chú (chồng em gái của cha): chú
15. bác (anh trai của mẹ): bác
16. bác (vợ anh trai của mẹ): bác
17. cậu (em trai của mẹ): cậu
18. mợ (vợ em trai của mẹ): mợ
19. bác (chị gái của mẹ): bác
20. Bác (chồng chị gái của mẹ): bác
21. dì (em gái của mẹ): dì
22. chú (chồng em gái của mẹ): chú
23. anh trai: anh trai
- 24: chị dâu: chị dâu
- 25.em trai : em trai
26. em dâu (vợ của em trai): em dâu
27. chị gái: chị gái
28. anh rể (chồng của chị gái): anh rể

29. em gái: em gái

30. em rể: em rể

31. con : con

32. con dâu (vợ con trai): con dâu

33. con rể (chồng của con gái): con rể

34. cháu (con của con): cháu, em.

Câu 2: Tìm các từ xưng hô địa phương khác.

Ví dụ: tui (tôi), tau (tao), hấn (hấn), bọ, thầy, tía (bố), bầm, mế, má (mẹ),...

Câu 3:

– Em về thừa mẹ cùng thầy,
Cho anh cưới tháng này anh ra.
Anh về thừa mẹ cùng cha,
Bắt lợn sang cưới, bắt gà sang cheo.
– Ân cha nghĩa mẹ chưa đền,
Bậu mong ôm gói cuốn mền theo ai ?
– Đói lòng ăn nắm lá sung
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.
Một thuyền một lái chẳng xong
Một chĩnh đôi gạo còn nong tay nào.